

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2024/DS-ST
Ngày: 26-12-2024
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1957; địa chỉ: số E ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tống Quang T, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào ngày 10/5/2023, ông có cho ông Tống Quang T vay số tiền 60.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền chứng thực ngày 10/5/2024 tại Văn phòng C, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Mục đích ông T vay tiền là phục vụ cho kinh tế của ông T, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đến hạn ông T không thanh toán nợ cho ông, nhiều lần ông yêu cầu ông T thanh toán nợ nhưng ông T không thực hiện mà cứ hứa hẹn, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Tống Quang T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 60.00.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi của số tiền 60.000.000 đồng, tính từ ngày 10/5/2023 đến ngày 10/11/2024 là 18 tháng với mức

lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền lãi là 8.964.000 đồng, tổng cộng số tiền ông T có nghĩa vụ trả cho ông là 68.964.000 đồng. Ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Tống Quang T vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu bị đơn ông Tống Quang T trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Tống Quang T cư trú tại ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn ông Nguyễn Văn N xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn N. Bị đơn ông Tống Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tống Quang T.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu bị đơn ông Tống Quang T trả số tiền tổng cộng là 68.964.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 8.964.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về nghĩa vụ chứng minh: tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N cung cấp cho Tòa án là văn bản có tiêu đề “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” (bản chính) có nội dung thể hiện: *“bên cho vay là ông Nguyễn Văn N, bên vay là ông Tống Quang T, số tiền vay là 60.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay là 06 tháng, phương thức thanh toán tiền lãi trả hàng tháng, trả tiền gốc khi đến hạn”*. Hợp đồng vay tiền này được Văn phòng C chứng thực số 1588 quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/5/2023.

Đối với bị đơn ông Tống Quang T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án theo đúng quy định nhưng vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và vắng mặt tại phiên tòa. Ông Tống Quang T không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn; do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bị đơn ông Tống Quang T có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản thể hiện ông

Tổng Quang T có vay của ông Nguyễn Văn N số tiền 60.000.000 đồng nhưng chưa trả. Đồng thời có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản được ông Nguyễn Văn N và ông Tổng Quang T giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về nghĩa vụ trả tiền: từ những căn cứ như đã nêu ở trên có căn cứ xác định bị đơn ông Tổng Quang T chưa thanh toán cho ông Nguyễn Văn N số tiền đã vay 60.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, cần buộc ông Tổng Quang T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi suất: nguyên đơn yêu cầu ông Tổng Quang T trả tiền lãi của số tiền vay 60.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 10/5/2023 đến ngày 10/11/2024 là 18 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, số tiền lãi là 8.964.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên nên được chấp nhận.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 68.964.000 đồng x 5% = 3.448.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn ông Tổng Quang T. Buộc ông Tổng Quang T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền tổng cộng là 68.964.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 8.964.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Tổng Quang T có nghĩa vụ chịu 3.448.200 đồng (Ba triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm đồng). Ông

Nguyễn Văn N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú